TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-05-2026.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thiện.

Bà Trần Thị Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 12 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 12 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2026/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vi Thị L, sinh năm 1984 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố Đồng Nai.

Bị đơn: Linh Văn N, sinh năm 1979 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn A, xã P, thành phố Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/03/2026, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Linh Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/05/2005. Sau khi đăng ký kết hôn thì anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị và anh Linh Văn N đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 01 con chung là Linh Thị T, sinh năm 2005, hiện nay con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Linh Văn N trình bày: Anh và chị Vi Thị L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T,

huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/05/2005. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh và chị Ly đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện nay chị L yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 01 con chung là Linh Thị T, sinh năm 2005, hiện nay con đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vi Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Theo đơn khởi kiện của chị Vi Thị L yêu cầu ly hôn với anh Linh Văn N, nơi cư trú của anh Linh Văn N tại thôn A, xã P, thành phố Đồng Nai. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án " Hôn nhân gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 12 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Vi Thị L và anh Linh Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 19/05/2005. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị L và anh Linh Văn N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị L thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn thì anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì nẫy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, chị và anh Linh Văn N đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Linh Văn N, bị đơn anh Linh Văn N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Vi Thị L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vi Thị L và anh Linh Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

thực tế thì anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị L là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 01 con chung là Linh Thị T, sinh năm 2005, hiện nay con đã thành niên anh chị và con chung của anh chị không có ý kiến yêu cầu gì nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vi Thị L phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006727 ngày 25/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị L, chị Vi Thị L được ly hôn với anh Linh Văn N.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 01 con chung là Linh Thị T, sinh năm 2005, hiện nay con đã thành niên anh chị và con chung của anh chị không có ý kiến yêu cầu gì nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Vi Thị L phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006727 ngày 25/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND Khu Vực 12;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh